

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 3 – 2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình – Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hằng

Ông Trần Minh Tuốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình – xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 221/22, đường S, phường T1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Dương Hoàng G, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp 6, xã A, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 tôi và anh Dương Hoàng G cùng tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện LM (nay là thị xã L), tỉnh Hậu Giang.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng không hợp nhau, anh G không quan tâm, chăm sóc vợ con, thường xuyên tham gia cờ bạc và các tệ nạn xã hội khác, chị T khuyên anh G nhiều lần nhưng anh vẫn không sửa đổi, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T và anh G đã ly thân hơn 02 năm nay nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Dương Hoàng G.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh G có 01 con chung tên Nguyễn Nhật T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 19/7/2009, hiện đang sống chung với chị T nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thu lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Dương Hoàng G để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Dương Hoàng G. Về con chung chị T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Nhật T1. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn Dương Hoàng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – xin ly hôn”, căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh G tự nguyện kết và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có con chung, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn là do anh Dương Hoàng G không quan tâm, chăm sóc vợ con, thường xuyên tham gia cờ bạc và các tệ nạn xã hội khác, chị T khuyên anh G nhiều lần nhưng anh vẫn không sửa đổi, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T và anh G đã ly thân hơn 02 năm nay và tại biên bản xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị Nguyễn Ngọc T cũng đã thể hiện điều này. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh G ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhận thấy việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc T là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về con chung: Chị T và anh G có 01 con chung tên Nguyễn Nhật Tiến (Giới tính: Nam), sinh ngày 19/7/2009, hiện đang sống chung với chị T nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại bản tự khai của Nguyễn Nhật Tiến (bút lục số 13), cháu Nguyễn Nhật T1 có nguyện vọng sống chung với mẹ (chị T), phù hợp với yêu cầu của chị T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Nhật T1 cho chị T

tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh G không ai được quyền cản trở.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[8] Tại phiên tòa đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Dương Hoàng G.

[1.2] Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nhật T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 19/7/2009. Chị T chưa yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh G không ai được quyền cản trở.

[1.3] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[1.4] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0012239 phiếu lập ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi nguyên đơn, bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)
Lư Trường Tây**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội Thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Hằng

Trần Minh Tuấn

Lư Trường Tây